

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 27/4/2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Thảo

Ông Nguyễn Công phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Hà -
Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS ngày 17/4/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T; Giới tính: Nữ;

Tên gọi khác: Beo;

Sinh ngày: 24/12/1985;

Nơi ĐKKH thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 11, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Nguyễn Tấn B và Võ Thị H;

Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có ba chị em;

Chồng: Vương T (sinh năm 1986);

Bị cáo có 01 con gái sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 13/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên Tòa.

2. Vương T; Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Tèo;

Sinh ngày: 10/7/1986;

Nơi ĐKKH thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 11, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 07/12;

Con ông Vương T và Nguyễn Thị L;

Bị cáo là con thứ 5 trong gia đình có bảy anh chị em;

Vợ: Nguyễn Thị T (sinh năm 1985);

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 20/5/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Làm nhục người khác”.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 20/10/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Nguyễn Đình D – sinh năm 2000 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Phan Thanh T – sinh năm 1993 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Trần Ngọc V – sinh năm 2001 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Hồ Sỹ H – sinh năm 1997 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 13/9/2022, Nguyễn Đình D và Lê Hồng Đ đang uống cà phê ngã tại ba sát hạch, xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình. Lúc này, D sử dụng Zalo có tên “không có” nhắn tin qua Zalo có tên “Beo Bỏ Chợ Bà” cho Nguyễn Thị T nói bán cho D 300.000 đồng ma túy thì T đồng ý. D nói với Đ “*chở D xuống nhà bà chị tại xã Bì có tí việc*” D chỉ đường cho Đ điều khiển xe mô tô Exciter Biển kiểm soát (BKS) 92 H1-39749 của Đ chở D xuống trước nhà Nguyễn Thị T, Đ đứng ngoài đường, D đi vào trong hiên nhà T, T đi ra đưa cho D 01 (một) gói ma túy và nhận 500.000 đồng từ D, T vừa thối lại 200.000 đồng tiền dư thì bị Công an huyện T bắt quả tang, thu giữ: trong người của D 01 (một) gói nhựa bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen; thu giữ trong áo khoác của T 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị T tại Tổ 11, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, Công an huyện T đã thu giữ:

- 04 (bốn) gói nhựa được hàn kín bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (ngghi vấn là ma túy) được đựng trong bao thuốc lá;

- 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu WHITE HORSE;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 màu vàng, bên trong có gắn sim số thuê bao 0337.946.902;

- 01 (một) xe mô tô biển số 92H6-9542;

- Số tiền 1.750.000 đồng;

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 06 (sáu) đoạn ống hút nhựa; 01 (một) cuộn băng keo màu đen; 02 (hai) cái bật lửa; 01 (một) cái kéo.

* Qua quá trình điều tra xác định được Nguyễn Thị T nhiều lần bán ma túy:

1. Ngoài lần bán ma túy cho Nguyễn Đình D ngày 13/9/2022 bị Công an huyện T bắt quả tang, Nguyễn Thị T còn bán ma túy cho Nguyễn Đình D như sau: vào khoảng 16 giờ ngày 12/9/2022, D đi một mình đến nhà của T, D đưa cho T 300.000 đồng và nhận 01 gói ma túy đem về sử dụng.

2. Bán cho Phan Thanh T 01 lần: Vào trưa ngày 12/9/2022, T đi đến nhà T hỏi mua 01 gói ma túy, T đưa số tiền 120.000 đồng cho T nhận 01 gói ma túy đem về sử dụng.

3. Bán cho Trần Ngọc V 03 lần:

+ Lần 1: Vào ngày 26/7/2022, V gọi điện thoại đến số 0935.623.011 của T hỏi mua 01 gói ma túy với số tiền 200.000 đồng, T đồng ý là hẹn V đến nhà để giao ma túy. Sau đó, V đi đến nhà T, V đưa cho T 200.000 đồng, T nói V đến gốc cây xoài, trên máy xúc lúa lấy 01 gói ma túy bên trong gói thuốc lá, V đem về sử dụng.

+ Lần 2: Vào giữa tháng 8/2022 (*không xác định được ngày*) V gọi qua Zalo cho T nói “*có không chị để em cái ba*” T nói V đến nhà. V nói với Võ Ngọc T đi đến nhà T lấy ma túy. T đi đến nhà T đưa cho T 300.000 đồng nhận 01 gói ma túy T mang về gặp V tại đường bê tông thôn B, xã B đưa gói ma túy cho V đem về nhà, V bỏ vào áo khoác của mình đi về nhà mình rơi mất.

+ Lần 3: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 07/9/2022, V gọi điện thoại đến Zalo của T nói “*em mới đi đám cưới về say quá chị có đồ đó không để em cái hai, em còn 200.000 đồng thôi*” T nói lại “*òì chạy về ghé chị, chị đang ở nhà đây*” V đi đến nhà đưa cho T 200.000 đồng, T đưa V lấy 01 gói ma túy mang về sử dụng.

4. Bán cho Hồ Sỹ H 03 lần:

+ Lần 1: Vào ngày 10/9/2022, H gọi điện cho T hỏi mua 01 gói ma túy với số tiền 200.000 đồng, T đồng ý là hẹn H đến nhà để giao ma túy. Sau đó, H đi đến nhà T, đưa cho T 300.000 đồng và lấy ma túy đem về sử dụng;

+ Lần 2: Vào ngày 08/9/2022, H gọi điện cho T nói “*có dưới đó không chị Beo, để em cái hai xị*” Thảo tắt máy, H gọi lại cho T nói “*hỏi có tiền em bù thêm cho*” T nói “*chạy xuống đây chị đưa cho*”. H đi đến nhà đưa 200.000 đồng cho T và lấy 01 gói ma túy đem về sử dụng.

+ Lần 3: Vào đầu tháng 09/2022, H gọi điện nói “*có đồ không để em cái 300.000 đồng*”, T nói “*có đây chạy xuống nhà chị đưa cho*” H đi đến nhà đưa 300.000 đồng cho T và lấy 01 gói ma túy mang về sử dụng.

5. Bán cho Võ Công L 02 lần:

+ Lần 1: Vào giữa tháng 8/2022 (*không xác định được ngày*), L gọi điện thoại đến số 0964.040.364 của Vương T là chồng của T đang ở nhà cùng với T nói “*để cho L cái 03*”, Vương T nói L đến nhà. T liền gọi điện thoại cho vợ Nguyễn Thị T đang ở ngoài nói “*xí nữa thằng L lên lấy cái 3 đó*” nghe máy xong, T đi về nhà đến chỗ cây trụ trước hiên nhà đợi thì L đi đến, đưa cho T 300.000 đồng, T chỉ gói ma túy để chỗ cây trụ trước hiên nhà, L đến lấy mang về sử dụng. Trong khoảng thời gian cuối tháng 8/2022, L tiếp tục gọi điện thoại cho Vương T hỏi “*có không anh để em cái 3*” T nói “*điện thoại cho chị T*” L điện thoại cho T nhưng T không nghe máy, L điện lại cho Vương T nói T không nghe máy, Vương T nói “*rửa tau không biết, tau đi nhử chim, không có ở nhà*”.

+ Lần 2: Vào ngày 10/9/2022, L gọi điện thoại đến số 0935.623.011 của T hỏi mua 01 gói ma túy với số tiền 300.000 đồng, T đồng ý là hẹn L đến nhà để giao ma túy. Sau đó, L một mình đến nhà T, đưa cho T 300.000 đồng và lấy ma túy đem về sử dụng.

6. Bán cho Nguyễn Chí T 03 lần.

+ Lần 1: Khoảng 19 giờ 00 phút trước ngày T bị bắt quả tang một tuần, T gọi điện cho T hỏi mua 300.000 đồng ma túy, T nói đến nhà, khi T đi gần đến nhà T gọi

lại cho T, T nói đứng trước nhà đem ra. T đi ra đường bê tông trước nhà, T đưa cho T 300.000 đồng, lấy 01 gói ma túy T đưa mang về sử dụng.

+ Lần 2: Vào buổi tối cách lần thứ nhất một tuần T gọi điện cho T hỏi mua 300.000 đồng ma túy thì T đồng ý, T đi đến trước nhà, T đi ra đường bê tông trước nhà, T đưa cho T 300.000 đồng, lấy 01 gói ma túy T đưa mang về nhà sử dụng.

+ Lần thứ 3: Vào tối trước lần thứ hai khoảng một tuần, T đi đến nhà T, nói với T bán cho T 300.000 đồng ma túy, T đồng ý, nhận tiền và đưa T một gói ma túy mang về sử dụng, đưa số điện thoại 0935623011 của T cho T cần mua thì liên lạc.

* Về nguồn gốc ma túy Nguyễn Thị T và Vương T bán cho *Nguyễn Đình D, Phan Thanh T, Trần Ngọc V, Hồ Sỹ H, Nguyễn Chí T, Võ Công L* như sau: Vào khoảng tháng 7 năm 2022, Nguyễn Thị T được (một người bạn, T khai không nhớ người nào đã cho Thảo Zalo của H) T kết bạn. Sau đó T liên lạc với H hỏi mua 500.000 đồng ma túy thì H đồng ý. T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát (BKS)92H6 -5942 của T đến cầu Gò Nổi, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên mua ma túy của H mang về sử dụng và bán cho các con nghiện. Sau đó T gọi cho H hỏi mua ma túy và nói Vương T chạy xe mô tô BKS 92H6 - 5942 đi ra gặp H mua ma túy đem về cho T bán cho người khác. Vào ngày 09/9/2022, T gọi vào Zalo cho H hỏi mua ma túy thì H nói không có và cho số Zalo của người có tên Tý C, T kết bạn hỏi mua ma túy thì Tý C đồng ý, Thảo nói Vương T chạy xe ra gặp Tý C mua ma túy như sau:

Lần thứ 01: Vào trưa ngày 09/9/2022, T gọi điện cho Tý C hỏi mua ma túy, Tý C đồng ý, T nói Vương T chạy ra Nam Phước gặp Tý C mua ma túy, T đưa cho Vương T 1.200.000 đồng, T điều khiển xe mô tô 92H6 - 5942 đến ngã ba Nam Phước thì gặp Tý C, T đưa số tiền 1.200.000 đồng cho Tý C, cầm gói ma túy đem về đưa cho T sử dụng và bán.

Lần thứ 2: Vào khoảng 8 giờ ngày 12/9/2022, Vương T đang ngủ thì Nguyễn Thị T nói “ anh tèo em điện thoại cho Tý C rồi” cầm 600.000 đồng chạy ra lấy đồ dùm em với. Vương T điều khiển xe mô tô 92H6 - 5942 chạy đến ngã ba Nam Phước, huyện Duy Xuyên, Vương T đưa 600.000 đồng và nhận 01 gói ma túy trong bao thuốc lá đem về nhà đưa cho T cất, đến 11 giờ 00 phút ngày 13/9/2022, Nguyễn Thị T bán ma túy cho Nguyễn Đình D thì bị Công an huyện T bắt quả tang.

* Vương T và Nguyễn Thị T là vợ chồng, sống chung một nhà trong số ma túy Nguyễn Thị T bán cho *Nguyễn Đình D, Phan Thanh T, Trần Ngọc V, Hồ Sỹ H, Nguyễn Chí T, Võ Công L* để sử dụng là do Vương T mua ma túy của người đàn ông có tên H và Tý C tại ngã ba Nam Phước, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên đem về để cho T bán.

Trong đó có 01 lần vào giữa tháng 8/2022, L gọi điện thoại đến Vương T nói “đề cho L cái 03”, Vương T nói L đến nhà, sau đó T gọi điện cho vợ Nguyễn Thị T đang ở ngoài về nhà lấy ma túy bán cho L 300.000 đồng mang về sử dụng. Vương T biết rõ việc Nguyễn Thị T nhiều lần bán ma túy cho người khác sử dụng, nhưng vẫn tiếp tục đi mua ma túy về đưa cho T bán. Do vậy, hành vi của Vương T có vài trò đồng phạm với Nguyễn Thị T.

* Tại Bản kết luận giám định số 1290/KL-KTHS ngày 16/9/2022 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định:

+ Chất rắn màu trắng dạng tinh thể niêm phong trong phong bì ký hiệu 01 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu là 0,05gam (không phẩy không năm gam);

+ Chất rắn màu trắng dạng tinh thể niêm phong trong phong bì ký hiệu 03 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng mẫu là 0,33gam (không thấy ba ba gam).

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 04/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình do vậy bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T và Vương T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt:

Đối với Nguyễn Thị T áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt Nguyễn Thị T từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 13/9/2022.

Đối với Vương T áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt Vương T từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/10/2022.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) bì niêm phong số 1290/KL-KTHS của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng chứa mẫu vật và vỏ bao gói được hoàn lại sau giám định;

+ 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu WHITE HORSE;

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 06 (sáu) đoạn ống hút nhựa; 01 (một) cuộn băng keo màu đen; 02 (hai) cái bật lửa; 01 (một) cái kéo.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản đã sử dụng việc mua bán trái phép chất ma túy:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 màu vàng, bên trong có gắn sim số thuê bao 0337.946.902 của Nguyễn Thị Thảo;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1906, bên trong có gắn sim số thuê bao 0964.040.364 của Vương T;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 92H6 - 9542 của Nguyễn Thị T để sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy;

+ Số tiền 700.000 đồng.

- Truy thu số tiền 3.320.000 đồng Nguyễn Thị T bán ma túy mà có để sung công quỹ.

- Tiếp tục quy trừ số tiền 1.750.000 đồng của Nguyễn Thị T để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo

thấy việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T thừa nhận: Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 13/9/2022, tại nhà của Nguyễn Thị T thuộc tổ 11, thôn B, xã B, huyện T; tổ công tác Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị T đang bán trái phép cho Nguyễn Đình D 01 gói ni lông chứa 0,05 gam ma túy loại Methamphetamine.

Vào khoảng tháng 7 năm 2022 đến ngày 13/9/2022, Nguyễn Thị T và Vương T mua ma túy của người đàn ông tên H (không rõ lai lịch) và một người tên Tý C (không rõ lai lịch) cả hai cùng trú tại thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam về chia thành nhiều gói nhỏ để bán lại cho những người nghiện và sử dụng. Khi cần ma túy T liên lạc với H và Tý C qua điện thoại và Zalo, sau đó đưa tiền cho T đi đến điểm hẹn để mua ma túy. Khoảng 2-3 ngày, T, T mua ma túy một lần, mỗi lần từ 500.000 đồng cho đến 1.200.000 đồng. Sau khi mua ma túy T đem về đưa cho T, T trực tiếp bán ma túy cho những người nghiện. T bán cho Nguyễn Đình D 02 lần với số tiền 600.000 đồng; Phan Thanh T 01 lần số tiền: 120.000 đồng; Trần Ngọc V 03 lần số tiền 700.000 đồng; Hồ Sỹ H 03 lần số tiền 700.000 đồng; Võ Công L 02 lần số tiền 600.000 đồng; Võ Chí T 03 lần số tiền 900.000 đồng. Tổng cộng Nguyễn Thị T bán 14 lần ma túy số tiền 3.620.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T đã cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, như bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ma túy là độc dược gây nghiện có tác hại rất lớn, lâu dài đối với sức khỏe con người và xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Chính vì thế mà Nhà nước ta nghiêm cấm các hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy và xử lý nghiêm đối với loại tội phạm này. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T nhận thức được tác hại của ma túy và sự trừng phạt của pháp luật nhưng vẫn bất chấp pháp luật. Do đó, trong quá trình lượng hình cần xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T một mức án nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T phạm tội không có tình tiết tăng nặng; bị cáo Vương T có nhân thân xấu, đã một lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội lần đầu; hoàn cảnh gia đình các bị cáo thuộc diện khó khăn. Gia đình bị cáo Vương T có công với cách mạng. Do đó khi lượng hình, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với Nguyễn Thị T, Vương T theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, đề xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng và chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T đều là những người nghiện ma túy. Bị cáo Nguyễn Thị T liên hệ với người bán ma túy sau đó đưa tiền cho Vương T đi mua ma túy về để sử dụng và bán cho các con nghiện. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Nguyễn Thị T là người trực tiếp bán ma túy cho các con nghiện. Vương T có 02 lần liên lạc với T để bán ma túy cho Võ Công L. Trong vụ án này Nguyễn Thị T giữ vai trò chính nên mức án của bị cáo Nguyễn Thị T cao hơn mức án của Vương T.

Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[4] Đối với hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó, các bị cáo Nguyễn Thị Th, Vương T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T hiện nay có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động tự do, không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T.

[5] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy:
 - + 01 (một) bì niêm phong số 1290/KL-KTHS của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng chứa mẫu vật và vỏ bao gói được hoàn lại sau giám định;
 - + 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu WHITE HORSE;
 - + 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 06 (sáu) đoạn ống hút nhựa; 01 (một) cuộn băng keo màu đen; 02 (hai) cái bật lửa; 01 (một) cái kéo.
- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản đã sử dụng việc mua bán trái phép chất ma túy:
 - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 màu vàng, bên trong có gắn sim số thuê bao 0337.946.902 của Nguyễn Thị T;
 - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1906, bên trong có gắn sim số thuê bao 0964.040.364 của Vương T;
 - + 01 (một) xe mô tô biển số 92H6 - 9542 của Nguyễn Thị T để sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy;
 - + Số tiền 700.000 đồng.

- Truy thu số tiền 3.320.000 đồng Nguyễn Thị T bán ma túy mà có để sung công quỹ.

- Tiếp tục quy trừ số tiền 1.750.000 đồng của Nguyễn Thị T để đảm bảo thi hành án.

[6] Đối với hành vi tàng trữ 0,05gam ma túy, loại Methamphetamine của Nguyễn Đình Danh là chưa đủ định lượng cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 BLHS mà vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện đề nghị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật;

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị T, Vương T, Nguyễn Đình D, Phan Thanh T, Trần Ngọc V, Hồ Sĩ H, Võ Công L, Nguyễn Chí T đã vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ nên Công an huyện T ra Quyết định xử phạt hình chính bằng hình thức cảnh cáo là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với người đàn ông tên H và Tý C ở thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, quá trình điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch của hai người đàn ông này. Nguyễn Thị T sử dụng Zalo có tên “Beo Bỏ Chợ Bà” liên lạc với Zalo của H và Tý C (không xác định được tên Zalo và số điện thoại của H và Tý C) để mua ma túy. Ngày 26/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành mở niêm phong điện thoại để trích sao giữ liệu tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo, tin nhắn Messenger và tài khoản Zalo “Beo Bỏ Chợ Bà” của Nguyễn Thị T, kết quả không có thông tin liên quan đến việc mua bán ma túy của T. Do đó, không có căn cứ xử lý.

- Đối với Lê Hồng Đ không biết việc Nguyễn Đình D đến nhà Nguyễn Thị T để mua ma túy nên đã chở D đi. Do đó, Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý là có cơ sở.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt Nguyễn Thị T 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 13/9/2022.

Xử phạt Vương T 7 (bảy) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/10/2022.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 (một) bì niêm phong số 1290/KL-KTHS của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng chứa mẫu vật và vỏ bao gói được hoàn lại sau giám định;
- + 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu WHITE HORSE;
- + 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 06 (sáu) đoạn ống hút nhựa; 01 (một) cuộn băng keo màu đen; 02 (hai) cái bật lửa; 01 (một) cái kéo.
- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản đã sử dụng việc mua bán trái phép chất ma túy:
 - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 màu vàng, bên trong có gắn sim số thuê bao 0337.946.902 của Nguyễn Thị T;
 - + 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1906, bên trong có gắn sim số thuê bao 0964.040.364 của Vương T;
 - + 01 (một) xe mô tô biển số 92H6 - 9542 của Nguyễn Thị T để sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy;
 - + Số tiền 700.000 đồng.
 - Truy thu số tiền 3.320.000 đồng Nguyễn Thị T bán ma túy mà có để sung công quỹ.
 - Tiếp tục quy trừ số tiền 1.750.000 đồng của Nguyễn Thị T để đảm bảo thi hành án ((số tiền trên đang tạm gửi tại kho bạc nhà nước theo tài khoản số 3949.0.9043824.00000 của Công an huyện T).
- (Các vật chứng trên đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang quản lý).

4/ Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Vương T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKS tỉnh Quảng Nam
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa
(Đã ký và đóng dấu)